

Hạ Long, ngày 12 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
- Mã chứng khoán : RIC
- Địa chỉ trụ sở chính : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại : 02033.848.777 Fax: 02033.846.728
- Người thực hiện CBTT : Ông Đỗ Trí Vỹ
Chức vụ : Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 và Giải trình báo cáo tài chính.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12 /08/ 2021 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG
ĐỒNG VIỆT NAM GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

Quảng Ninh, tháng 8 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Bà Điền Dục Thanh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Bà Lý Tiên Lê	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc thứ hai
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Trí Vỹ

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Số: 0225/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ trong đó mô tả về diễn biến của dịch COVID-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chúng tôi đã phát hành báo cáo soát xét đề ngày 12 tháng 8 năm 2021 về báo cáo tài chính giữa niên độ đó với kết luận chấp nhận toàn phần.



Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.823.799.960	60.073.265.460
I. Tiền	110	4	12.385.142.880	32.220.856.980
1. Tiền	111		12.385.142.880	32.220.856.980
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.484.249.760	11.743.659.720
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.587.185.880	2.104.586.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.855.144.400	3.986.551.530
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.041.919.480	5.652.521.550
III. Hàng tồn kho	140	9	11.661.627.240	14.525.131.530
1. Hàng tồn kho	141		11.661.627.240	14.525.131.530
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		292.780.080	1.583.617.230
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		292.780.080	1.583.617.230
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		854.081.872.440	880.958.512.980
I. Tài sản cố định	220		729.664.938.480	756.146.842.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	729.360.537.960	754.411.221.330
- Nguyên giá	222		1.229.012.847.840	1.240.542.386.850
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(499.652.309.880)	(486.131.165.520)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	304.400.520	1.735.621.290
- Nguyên giá	228		103.058.886.120	103.463.567.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(102.754.485.600)	(101.727.946.320)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		101.643.621.960	102.042.746.130
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	101.643.621.960	102.042.746.130
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.612.900.120	9.650.647.110
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9.612.900.120	9.650.647.110
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.160.411.880	13.118.277.120
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.057.597.160	2.775.880.380
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	11.102.814.720	10.342.396.740
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		888.905.672.400	941.031.778.440

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		140.462.400.840	144.593.436.390
I. Nợ ngắn hạn	310		140.462.400.840	118.234.722.060
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.412.444.600	6.992.209.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		562.938.120	604.748.820
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.531.879.120	6.645.955.290
4. Phải trả người lao động	314		4.943.339.760	6.786.086.190
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		396.470.160	2.489.543.940
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	75.814.340.520	49.118.319.510
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	49.800.988.560	45.597.858.540
II. Nợ dài hạn	330		-	26.358.714.330
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	-	26.358.714.330
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		748.443.271.560	796.438.342.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	748.443.271.560	796.438.342.050
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		307.095.935.295	310.015.267.545
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
5. (Lỗ) lũy kế	421		(354.909.502.344)	(309.833.764.104)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(309.833.764.104)	(228.293.395.544)
- (Lỗ) kỳ này/năm trước	421b		(45.075.738.240)	(81.540.368.560)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		888.905.672.400	941.031.778.440



Mai Thị Dung
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2021



Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng



Đỗ Thị Vỹ
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	54.849.086.420	49.469.078.975
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		54.849.086.420	49.469.078.975
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	70.931.157.680	76.618.349.450
5. (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(16.082.071.260)	(27.149.270.475)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.406.913.340	1.672.521.575
7. Chi phí tài chính	22	25	2.504.898.280	4.194.129.125
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.715.956.840	3.170.808.000
8. Chi phí bán hàng	25	26	7.049.552.720	6.513.719.475
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	20.330.274.140	17.617.005.500
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(44.559.883.060)	(53.801.603.000)
11. Thu nhập khác	31		179.095.600	89.155.550
12. Chi phí khác	32		694.950.780	576.676.650
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(515.855.180)	(487.521.100)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(45.075.738.240)	(54.289.124.100)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(45.075.738.240)	(54.289.124.100)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(641)	(771)



Mai Thị Dung
Người lập biểu



Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

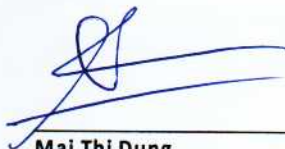
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(45.075.738.240)	(54.289.124.100)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.315.484.720	25.912.407.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	632.888.860	945.901.500
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	311.506.640	-
Chi phí lãi vay	06	1.715.956.840	3.170.808.000
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(19.099.901.180)	(24.260.007.550)
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.221.257.040	3.102.969.200
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.014.572.280	139.308.475
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	(2.767.073.060)	(6.420.230.300)
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.000.760.280	(670.798.300)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.978.891.900)	(2.606.593.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.609.276.540)	(30.715.351.925)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.486.263.900)	(1.296.878.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.486.263.900)	(1.296.878.275)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	91.932.487.840	50.562.628.250
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(87.531.892.560)	(12.507.567.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.400.595.280	38.055.060.325
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(19.694.945.160)	6.042.830.125
Tiền đầu kỳ	60	32.220.856.980	35.478.264.010
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(100.735.520)	(367.795.925)
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200	62	(40.033.420)	(76.313.160)
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61+62)	70	12.385.142.880	41.076.985.050


 Mai Thị Dung
 Người lập biểu


 Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng


 Đỗ Thị Vy
 Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20 tháng 7 năm 2021, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt (thành lập tại Quần đảo British Virgin).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 813 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 829 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệt theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện trọng yếu trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành du lịch toàn cầu trong đó có Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của cổ đông, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn);
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng hoạt động liên tục

Từ tháng 4 năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 dẫn đến khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 45.075.738.240 VND cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30

tháng 6 năm 2021 và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 105.638.600.880 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã tích cực triển khai các phương án ứng phó với đại dịch Covid-19. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trên cơ sở sau:

- Công ty theo dõi và quản lý các yêu cầu của các tổ chức tín dụng đặt ra để duy trì hạn mức tín dụng đã được cấp và Công ty có thể sử dụng hạn mức tín dụng còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 của các tổ chức tín dụng với trị giá 25.699.006.929 VND (tương đương 1.121.248 USD) khi cần thiết; và
- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp bao gồm tiết kiệm chi phí hoạt động, triển khai các hoạt động tiếp thị nhằm thu hút nhiều khách du lịch và khách hàng trong nước và quốc tế. Theo đó, Công ty khẳng định tạo ra đủ dòng tiền cho hoạt động kinh doanh.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam theo Thông tư 200 yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính chuyển đổi giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy trò chơi điện tử, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip tiền mặt trong hộp drop box (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi.
- Doanh thu máy trò chơi bằng tổng số tiền khách nạp vào máy để chơi trừ đi tổng số tiền trả cho khách tại quầy thu ngân.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ khác USD được chuyển đổi sang USD theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác USD tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi sang USD theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	11.851.725.720	15.463.157.190
Tiền gửi ngân hàng	533.417.160	16.757.699.790
	<u>12.385.142.880</u>	<u>32.220.856.980</u>

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.612.900.120	-	9.650.647.110	-
	<u>9.612.900.120</u>	<u>-</u>	<u>9.650.647.110</u>	<u>-</u>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Khách đoàn Long Bay	3.820.259.760	1.213.202.250
Đại lý Hằng Thăng	738.115.680	750.310.080
Các khoản phải thu khách hàng khác	28.810.440	141.074.310
	<u>4.587.185.880</u>	<u>2.104.586.640</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ An toàn Thăng Long	1.571.991.120	1.663.599.990
Công ty Đầu tư và Phát triển NME	943.226.760	946.930.530
Công ty Điện lực Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	-	1.243.391.370
Khác	339.926.520	132.629.640
	2.855.144.400	3.986.551.530

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số chip khách cầm cuối kỳ	2.870.065.320	5.201.410.500
Tạm ứng nhân viên	139.789.080	-
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	9.924.360	422.210.490
Khác	22.140.720	28.900.560
	3.041.919.480	5.652.521.550

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.879.414.680	-	10.689.387.540	-
Hàng hóa	3.782.212.560	-	3.835.743.990	-
	11.661.627.240	-	14.525.131.530	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỐI GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	890.564.313.600	275.521.072.710	20.639.095.620	19.524.698.310	34.293.206.610	1.240.542.386.850
Thanh lý	-	(6.356.535.510)	-	(347.036.820)	-	(6.703.572.330)
Chênh lệch tỷ giá	(3.483.302.400)	(1.052.794.800)	(80.726.580)	(75.010.410)	(134.132.490)	(4.825.966.680)
Số dư cuối kỳ	887.081.011.200	268.111.742.400	20.558.369.040	19.102.651.080	34.159.074.120	1.229.012.847.840
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	203.127.493.920	214.506.053.970	15.344.264.520	19.024.345.860	34.129.007.250	486.131.165.520
Khấu hao trong kỳ	10.448.363.640	10.069.040.080	985.232.980	282.202.180	99.998.880	21.884.837.760
Thanh lý	-	(6.047.791.380)	-	(347.187.640)	-	(6.394.979.020)
Chênh lệch tỷ giá	(839.889.480)	(856.475.230)	(64.296.580)	(74.128.440)	(133.924.650)	(1.968.714.380)
Số dư cuối kỳ	212.735.968.080	217.670.827.440	16.265.200.920	18.885.231.960	34.095.081.480	499.652.309.880
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu kỳ	687.436.819.680	61.015.018.740	5.294.831.100	500.352.450	164.199.360	754.411.221.330
Số dư cuối kỳ	674.345.043.120	50.440.914.960	4.293.168.120	217.419.120	63.992.640	729.360.537.960

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 669.678.691.560 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 747.401.431.920 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 2.983.817.280 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.339.533.340 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 140.659.329.480 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 97.889.165.010 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	101.112.106.680	2.351.460.930	103.463.567.610
Chênh lệch tỷ giá	(395.484.120)	(9.197.370)	(404.681.490)
Số dư cuối kỳ	100.716.622.560	2.342.263.560	103.058.886.120
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	99.744.093.150	1.983.853.170	101.727.946.320
Khấu hao trong kỳ	1.368.608.060	62.038.900	1.430.646.960
Chênh lệch tỷ giá	(396.078.650)	(8.029.030)	(404.107.680)
Số dư cuối kỳ	100.716.622.560	2.037.863.040	102.754.485.600
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	1.368.013.530	367.607.760	1.735.621.290
Số dư cuối kỳ	-	304.400.520	304.400.520

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 102.441.100.440 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.731.249.390 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số đầu kỳ	102.042.746.130	92.665.530.490
Tăng trong kỳ	-	1.634.057.725
Chênh lệch tỷ giá	(399.124.170)	(21.973.455)
Số cuối kỳ	101.643.621.960	94.277.614.760

Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	38.460.630.960	38.611.654.380
+ Mua sắm tài sản cố định	5.387.575.200	5.408.730.600
+ Sửa chữa lớn biệt thự	27.072.278.880	27.178.583.640
+ Các dự án mới	6.000.776.880	6.024.340.140
- Nhà đa năng (*)	63.182.991.000	63.431.091.750
	101.643.621.960	102.042.746.130

(*) Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt là 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD - xem thêm tại Thuyết minh số 29), việc thi công xây dựng đang tạm dừng sau khi Công ty và đơn vị ký hợp đồng thuê nhà đa năng là Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018. Hiện tại, Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác khác để hoàn thiện công trình và cho thuê.

13. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vật tư điện, nước	1.731.674.760	421.132.080	1.454.876.280	422.785.740
Vật tư xây dựng	11.064.675.840	1.272.403.800	10.587.706.350	1.277.400.150
	12.796.350.600	1.693.535.880	12.042.582.630	1.700.185.890

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Doanh nghiệp Tư nhân Khả Thủy	254.136.960	254.136.960	281.527.350	281.527.350
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Gia Huy Quảng Ninh	-	-	1.199.971.500	1.199.971.500
Công ty TNHH Dự Thành	-	-	890.210.880	890.210.880
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	-	-	705.302.520	705.302.520
Phải trả cho các đối tượng khác	2.158.307.640	2.158.307.640	3.915.197.520	3.915.197.520
Cộng	2.412.444.600	2.412.444.600	6.992.209.770	6.992.209.770

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.523.192.970	4.605.427.240	3.854.376.720	(9.220.330)	2.265.023.160
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.978.857.780	8.974.047.740	9.717.340.520	(16.245.120)	4.219.319.880
Thuế thu nhập cá nhân	143.904.540	1.238.337.880	1.334.561.480	(144.860)	47.536.080
Thuế khác	-	17.978.620	17.978.620	-	-
Cộng	6.645.955.290	14.835.791.480	14.924.257.340	(25.610.310)	6.531.879.120

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	27.228.249.480	972.609.690
+ Đại lý Long Bay	26.255.616.360	-
+ Đại lý Thư Lượng	244.510.560	244.504.260
+ Đại lý Hằng Thăng	468.003.480	468.000.390
+ Khác	260.119.080	260.105.040
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.586.091.040	48.145.709.820
+ Đại lý Long Bay (*)	41.859.093.960	43.126.331.430
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.173.228.560	1.018.146.480
+ Bảo hành xây dựng	2.318.908.080	2.303.853.240
+ Chíp trôi nổi	605.546.400	585.512.460
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	150.080.160	149.426.940
+ Khác	1.479.233.880	962.439.270
Cộng	75.814.340.520	49.118.319.510
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	26.358.714.330
+ Đại lý Long Bay	-	26.358.714.330
Cộng	-	26.358.714.330

(*) Phải trả ngắn hạn khác từ Đại lý Long Bay bao gồm 8.182.187.880 VND tiền chip ký gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 15.340.444.860 VND).

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ VND		Trong kỳ VND			Số cuối kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	36.264.634.380	36.264.634.380	73.456.681.880	69.653.639.760	(158.364.020)	39.909.312.480	39.909.312.480
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	9.333.224.160	9.333.224.160	18.475.805.960	17.878.252.800	(39.101.240)	9.891.676.080	9.891.676.080
	45.597.858.540	45.597.858.540	91.932.487.840	87.531.892.560	(197.465.260)	49.800.988.560	49.800.988.560

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND theo hợp đồng tín dụng kỳ ngày 05 tháng 8 năm 2021 với hạn mức tín dụng 75,5 tỷ VND tương đương 3,29 triệu USD (tỷ giá 22.920 VND/USD). Hạn mức tín dụng này đã bao gồm toàn bộ dư nợ ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngày 30 tháng 7 tháng 2020 và phụ lục hợp đồng ngày 18 tháng 8 năm 2020. Thời hạn cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án "Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí" cùng với các máy móc thiết bị kèm theo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND theo hợp đồng tín dụng kỳ ngày 10 tháng 12 năm 2020 với hạn mức tín dụng 10 tỷ VND tương đương 436 ngàn USD (tỷ giá 22.920 VND/USD) và có hiệu lực 1 năm. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Thời hạn cho vay tối đa của từng kế ước nhận nợ là 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị điều hòa và thiết bị điện của khu tòa nhà Câu lạc bộ và Khách sạn 5 sao.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(228.293.395.544)	312.534.882.805	880.498.325.870
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(54.289.124.100)	-	(54.289.124.100)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	730.035.180	730.035.180
Số dư cuối kỳ trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(282.582.519.644)	313.264.917.985	826.939.236.950
Số dư đầu kỳ này	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(309.833.764.104)	310.015.267.545	796.438.342.050
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(45.075.738.240)	-	(45.075.738.240)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(2.919.332.250)	(2.919.332.250)
Số dư cuối kỳ này	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(354.909.502.344)	307.095.935.295	748.443.271.560

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2020: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Trong năm 2021, Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ cho Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần thứ 12 ngày 20 tháng 7 năm 2021. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp						
		Số cuối kỳ				Số đầu kỳ		
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	%	USD	'000 VND quy đổi	%
Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52,49	-	-	-	
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	-	-	-	-	22.219.546	369.386.320	52,49	
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	1.374.987	22.619.800	3,21	1.374.987	22.619.800	3,21	
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	1.149.924	18.880.920	2,68	1.149.924	18.880.920	2,68	
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	1.069.089	17.709.550	2,52	1.069.089	17.709.550	2,52	
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	16.496.324	275.090.950	39,10	16.496.324	275.090.950	39,10	
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100	42.309.870	703.687.540	100	

19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
VND	4.192.744.439	4.826.234.560
JMP	95.341	83.486

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh và gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:

Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia:

Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Kỳ này

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	30.388.057.440	24.461.028.980	-	54.849.086.420
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	6.280.521.969	17.515.810.036	-	23.796.332.005
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(29.553.375.260)	(15.006.507.800)	-	(44.559.883.060)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	24.976.700	342.675.720	-	367.652.420
5. Tài sản bộ phận	163.188.726.840	681.211.920.960	(383.757.811.200)	460.642.836.600
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	428.262.835.800
Tổng tài sản	163.188.726.840	681.211.920.960	(383.757.811.200)	888.905.672.400
7. Nợ phải trả bộ phận	462.139.375.080	1.534.539.840	(383.757.811.200)	79.916.103.720
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	60.546.297.120
Tổng Nợ phải trả	462.139.375.080	1.534.539.840	(383.757.811.200)	140.462.400.840

Kỳ trước

	Khách sạn và		Bừ từ	Tổng cộng
	Cầu lạc bộ	Biệt thự/Hàng Ga		
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	21.807.691.150	27.661.387.825	-	49.469.078.975
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	8.374.671.750	20.123.105.700	-	28.497.777.450
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(42.186.551.000)	(11.615.052.000)	-	(53.801.603.000)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong kỳ	1.381.700.200	1.560.573.500	-	2.942.273.700
5. Tài sản bộ phận	192.314.348.340	728.389.923.570	(374.222.586.758)	546.481.685.152
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	433.363.156.658
Tổng tài sản	192.314.348.340	728.389.923.570	(374.222.586.758)	979.844.841.810
7. Nợ phải trả bộ phận	451.402.106.710	12.975.571.700	(374.222.586.758)	90.155.091.652
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	62.750.513.208
Tổng Nợ phải trả	451.402.106.710	12.975.571.700	(374.222.586.758)	152.905.604.860

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu chip	29.544.949.940	19.064.131.725
Doanh thu phòng nghỉ	14.973.243.900	19.302.363.975
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	9.348.744.280	7.165.051.600
Doanh thu xèng	843.130.520	2.743.582.850
Doanh thu dịch vụ khác	139.017.780	1.193.948.825
	54.849.086.420	49.469.078.975

22. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu và tiêu hao phẩm	3.654.770.300	3.338.179.625
Chi phí nhân công	33.873.676.780	38.887.983.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.273.714.620	24.836.543.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	11.128.995.980	9.555.643.125
	70.931.157.680	76.618.349.450

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu và tiêu hao phẩm	3.654.770.300	3.338.179.625
Chi phí nhân công	54.462.350.420	54.774.372.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.315.484.720	25.912.407.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	16.878.379.100	16.724.114.775
	<u>98.310.984.540</u>	<u>100.749.074.425</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.565.360	2.787.575
Lãi chênh lệch tỷ giá	629.044.520	842.386.425
Doanh thu hoạt động tài chính khác	776.303.460	827.347.575
	<u>1.406.913.340</u>	<u>1.672.521.575</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.715.956.840	3.170.808.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	788.941.440	1.023.321.125
	<u>2.504.898.280</u>	<u>4.194.129.125</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	6.157.113.360	5.313.047.675
Chi phí dụng cụ sản xuất	111.370.760	182.738.425
Chi phí khấu hao TSCĐ	540.118.260	549.620.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.228.820	42.165.000
Các chi phí bằng tiền khác	199.721.520	426.147.600
	7.049.552.720	6.513.719.475
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	14.431.560.280	10.573.342.250
Chi phí dụng cụ sản xuất	156.789.220	223.310.525
Chi phí khấu hao TSCĐ	501.651.840	526.242.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.600.374.040	3.697.753.375
Các chi phí bằng tiền khác	1.639.898.760	2.596.356.725
	20.330.274.140	17.617.005.500

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
(Lỗ) kế toán trước thuế	(45.075.738.240)	(54.289.124.100)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	<i>(330.841.294)</i>	<i>(330.831.275)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>304.439.500</i>	<i>973.636.700</i>
<i>Cộng/(Trừ): Chênh lệch giá trị chip trôi nổi cuối kỳ và đầu kỳ</i>	<i>4.785.719.880</i>	<i>(135.865.000)</i>
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	(40.316.420.154)	(53.782.183.675)
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

28. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(45.075.738.240)	(54.289.124.100)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(45.075.738.240)	(54.289.124.100)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(641)	(771)

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị đã đầu tư là 63.182.991.000 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 2.655.855.000 VND.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.656.474.240 VND (31 tháng 12 năm 2020: 1.662.978.720 VND).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Đỗ Trí Việt	Tổng Giám đốc	717.197.025	391.541.540
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất	187.416.000	111.353.200
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc thứ hai	593.531.805	368.444.695
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng	183.001.000	104.885.000
		1.681.145.830	976.224.435

217
CÔNG TY
HÀNG
CỔ PHẦN
QUỐC TẾ
HOÀNG GIA

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 2.610.129.600 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2020: 3.801.456.340 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 2.616.134.640 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2020: 10.063.619.260 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.



Mai Thị Dung
Người lập biểu



Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng gia (mã chứng khoán RIC) xin giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2020, giải trình nguyên nhân lỗ lũy kế đến 30/6/2021, cụ thể như sau:

I – Giải trình chênh lệch giữa 6 tháng đầu năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2020:

So sánh các chỉ tiêu trên bảng kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

TT	Diễn giải	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	Số tiền tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, (giảm) %
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	54,849,086,420	49,469,078,975	5,380,007,445	10.88
II	Doanh thu hoạt động tài chính	1,406,913,340	1,672,521,575	(265,608,235)	(15.88)
III	Chi phí				
1	Chi phí hoạt động tài chính	2,504,898,280	4,194,129,125	(1,689,230,845)	(40.28)
2	Giá vốn hàng bán	70,931,157,680	76,618,349,450	(5,687,191,770)	(7.42)
3	Chi phí bán hàng	7,049,552,720	6,513,719,475	535,833,245	8.23
4	Chi phí quản lý	20,330,274,140	17,617,005,500	2,713,268,640	15.40
	Cộng chi phí (1-4)	100,815,882,820	104,943,203,550	(4,127,320,730)	(3.93)
IV	Thu nhập khác	179,095,600	89,155,550	89,940,050	100.88
V	Chi phí khác	694,950,780	576,676,650	118,274,130	20.51
III	Lợi nhuận sau thuế	(45,075,738,240)	(54,289,124,100)	9,213,385,860	(16.97)

Giải trình chênh lệch :

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2021 so với 6 tháng đầu năm 2020 tăng chủ yếu là do 6 tháng đầu năm 2020 đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều bị đình trệ dẫn đến doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 bị sụt giảm nghiêm trọng.
2. Doanh thu hoạt động tài chính giảm là do lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ giảm.
3. Chi phí hoạt động tài chính giảm là do lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ giảm và lãi vay giảm.

4. Giá vốn hàng bán giảm là do 6 tháng đầu năm 2021 cán bộ nước ngoài làm việc tại bộ phận trực tiếp giảm và Công ty đã trích hết khấu hao giá trị quyền sử dụng đất.
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý cũng tăng là do Công ty bố trí nhân viên nghỉ giãn công ít hơn so với cùng kỳ năm ngoái.
6. Thu nhập khác tăng là do 6 tháng đầu năm 2021 khách hàng đặt tiệc nhưng lại bị hủy do đại dịch Covid nên khách hàng bồi thường một khoản phí.
7. Chi phí khác tăng là do chi thanh lý tài sản.

II – Giải trình nguyên nhân lỗ 6 tháng đầu năm 2021 và lỗ lũy kế đến 30/6/2021.

1. Do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid 19 nên doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty vẫn thấp. Kết quả kinh doanh bị lỗ **45.075.738.240** đồng .
2. Do 6 tháng đầu năm 2021 Công ty đều bị lỗ nên lũy kế đến 30/6/2021 kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng gia; Kính trình Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ chí Minh xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Tổng giám đốc



Đỗ Tri Vỹ

